

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG BÁ XUYÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 334/QĐ-UBND

Bá Xuyên, ngày 16 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Khu đô thị số 1A, xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công, nay là phường Bá Xuyên, tỉnh Thái Nguyên (đất nông nghiệp đợt 1)

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG BÁ XUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và Luật Các tổ chức tín dụng ngày 29/6/2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của nghị quyết số 254/2025/QH15 của quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 50/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành luật đất đai về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Căn cứ Quyết định số 15/2026/QĐ-UBND ngày 27/3/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 09/2/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc áp dụng trình tự, thủ tục hành chính; uỷ quyền thực hiện một số nội dung thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh quy định tại Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/1/2026 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 922/QĐ-UBND ngày 29/4/2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị số 1A, xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công;

Căn cứ Quyết định số 1723/QĐ-UBND ngày 26/4/2024 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc chấp thuận Nhà đầu tư dự án Khu đô thị số 1A, xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công;

Căn cứ Thông báo thu hồi đất số 252/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 của UBND phường Bá Xuyên về việc thông báo thu hồi đất dự án Khu đô thị số 1A, xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công, nay là phường Bá Xuyên, tỉnh Thái Nguyên;

Xét đề nghị của phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tại Tờ trình số 253 /TTr-KTHTĐT ngày 16 / 4 /2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi diện tích 36.561,2 m² đất Trong đó: 29.841.1 m² đất trồng lúa (LUC, LUK); 4.646,3m² đất trồng cây hằng năm khác (HNK); 1.797,8m² đất trồng cây lâu năm (CLN); 276 m² đất rừng sản xuất (RSX) của 34 hộ gia đình, cá nhân tại phường Bá Xuyên, tỉnh Thái Nguyên.

* Lý do thu hồi: để thực hiện dự án Khu đô thị số 1A, xã Bá Xuyên, thành phố Sông Công, nay là phường Bá Xuyên, tỉnh Thái Nguyên.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Nhiệm vụ, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan:

1. Văn phòng HĐND-UBND phường phối hợp có trách nhiệm giao quyết định này cho hộ gia đình, cá nhân có tên tại Điều 1; trường hợp hộ gia đình, cá nhân không nhận Quyết định này hoặc vắng mặt thì phải lập biên bản; niêm yết Quyết định này tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường Bá Xuyên và tại nơi sinh hoạt chung của TDP nơi có đất thu hồi.

Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất khu vực II có trách nhiệm phối hợp với Văn phòng HĐND-UBND phường Bá Xuyên trong quá trình triển khai thực hiện.

2. Văn phòng HĐND-UBND phường Bá Xuyên có trách nhiệm đăng tải Quyết định này trên trang thông tin điện tử của phường.

3. Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực II có trách nhiệm quản lý quỹ đất đã thu hồi, phối hợp với phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực III thực hiện thủ tục đất đai theo quy định.

Điều 3.

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng HĐND-UBND phường, Thủ trưởng các cơ quan: Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, Văn hoá - Xã hội, Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất khu vực II, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực III, Chủ đầu tư và hộ gia đình, có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND phường;
- Như Điều 3;
- Lưu: VP, KTHTĐT(40b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH


Hoàng Văn Pha

DANH SÁCH CÁC THỬA ĐẤT THU HỒI

DỰ ÁN: KHU ĐÔ THỊ 1A, XÃ BÁ XUYỀN, THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG (NAY THUỘC PHƯỜNG BÁ XUYỀN, TỈNH THÁI NGUYÊN) ĐỢT 1

(Kèm theo Quyết định số: 334 /QĐ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2026 của phòng kinh tế, hạ tầng và đô thị phường Bá Xuyên).

ST T	Tên chủ sử dụng (Số định danh cá nhân, số điện thoại)	Địa chỉ thường trú	Số thửa trích lục (Số thửa ĐC)	Tờ bản đồ trích lục (Tờ BĐ ĐC)	Diện tích GCN (m ²)	Diện tích thực tế (m ²)	Diện tích thu hồi (m ²)	Loại đất thu hồi	Ghi chú (Ghi pháp lý, nguồn gốc đất và các nội dung khác)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Đồng Đức Oánh (SDD: 019046003266) - SDT: 0386935795	TDP La Cánh 2, phường Bá Xuyên			1.016,0	1.519,6	1.332,0		
			248 (25)	38 (21-II)	700,0	819,1	819,1	LUK	Có GCNQSDĐ.
			376 (115)	40 (22-I)	316,0	292,7	292,7	LUK	Có GCNQSDĐ.
			33 (148A)	45 (22-I)		176,0	176,0	LUK	Chưa có GCN.
			37 (204)	45 (21-II)		231,8	44,2	HNK	Chưa có GCN.
2	Đồng Minh Tâm, Dương Thị Lý; CCCD: 019078014864 - (Người quản lý di sản chưa thực hiện phân chia thừa kế các thửa 483, 18, 43)	TDP La Cánh 2, phường Bá Xuyên			1.637,1	1.746,9	1.746,9		
			461 (153)	39 (21-II)	181,3	181,3	181,3	HNK	Có GCNQSD đất cấp năm 2024
			470 (155)	39 (21-II)	226,8	59,2	59,2	HNK	Có GCNQSD đất cấp năm 2024
			475 (155)	39 (21-II)		167,7	167,7	HNK	Có GCNQSD đất cấp năm 2024
			483 (166+167)	39 (21-II)	220,0	280,7	280,7	HNK	Có GCNQSD đất cấp năm 1991 tên bà Dương Thị Chắp
			18 (188+189)	46 (22-I)	197,0	230,7	230,7	LUK	Có GCNQSD đất cấp năm 1991 tên bà Dương Thị Chắp
			43(215)	46(22-I)	812,0	827,3	827,3	LUC	Có GCNQSD đất cấp năm 1991 tên bà Dương Thị Chắp
3	Đồng Quang Huấn, Đồng Thị Nhung (SDD: 019069012014) - SDT: 0392433466	TDP La Cánh 2, phường Bá Xuyên			2.957,0	4.409,1	3.378,4		
			175 (298+ 299)	38 (8-IV)		712,6	469,3	CLN	Chưa có GCNQSD đất.
			177 (297)	38 (8-IV)		918,2	130,8	CLN	Chưa có GCNQSD đất.
			223 (21)	38 (21-II)	420,0	313,6	313,6	LUK	Có GCNQSD đất cấp năm 2005
			265	38 (21-II)		278,0	278,0	CLN	Chưa có GCNQSD đất.

ST T	Tên chủ sử dụng (Số định danh cá nhân, số điện thoại)	Địa chỉ thường trú	Số thửa trích lục (Số thửa ĐC)	Tờ bản đồ trích lục (Tờ BĐ ĐC)	Diện tích GCN (m ²)	Diện tích thực tế (m ²)	Diện tích thu hồi (m ²)	Loại đất thu hồi	Ghi chú (Ghi pháp lý, nguồn gốc đất và các nội dung khác)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
			288 (343)	39 (8-IV)	240,0	235,5	235,5	LUK	Có GCNQSD đất cấp năm 2005
			343 (21)	39 (21-II)	420,0	85,5	85,5	LUK	Có GCNQSD đất cấp năm 2005
			350 (21)	39 (21-II)		13,4	13,4	LUK	Có GCNQSD đất cấp năm 2005
			360 (33)	39 (21-II)	168,0	161,1	161,1	LUK	Có GCNQSD đất cấp năm 2005
			419 (72)	39 (21-II)	500,0	422,4	422,4	LUC	Có GCNQSD đất cấp năm 2005
			478 (105a)	39 (21-II)	505,0	521,9	521,9	LUC	Có GCNQSD đất cấp năm 2005
			214 (3)	40 (22-I)	704,0	663,9	663,9	LUC	Có GCNQSD đất cấp năm 2005
			225 (3)	40 (22-I)		83,0	83,0	LUC	Có GCNQSD đất cấp năm 2005
4	Đồng Quang Oanh (SDD: 019043002423) - SDT: 0336621058	TDP La Cánh 2, phường Bá Xuyên				101,9	101,9		
			482 (162)	39 (21-II)		101,9	101,9	HNK	Chưa có GCNQSD đất.
5	Đồng Thị Nguyệt Nga (SDD: 019174010472) - SDT: 0973496644	TDP La Cánh 2, phường Bá Xuyên			644,0	664,8	664,8		
			361 (52)	39 (22-I)	644,0	664,8	664,8	LUC	Có GCN
6	Đồng Thị Sân (SDD: 019173008253) - SDT: 0569418023 - (Người quản lý di sản chưa thực hiện phân chia thừa kế thửa 457)	TDP La Cánh 2, phường Bá Xuyên			716,0	1.063,9	1.063,9		
			181 (337)	39 (9-III)		373,1	373,1	LUK	Chưa có GCNQSD đất.
			457 (106)	39 (21-II)	716,0	690,8	690,8	LUC	Có GCN bà Nguyễn Thị Độ
7	Đồng Văn Anh, Vũ Thị Liên (SDD: 019063003698) - SDT: 0372780403 - Người quản lý di sản chưa thực hiện phân chia thừa kế	TDP La Cánh 2, phường Bá Xuyên			2.958,0	3.009,8	3.006,6		
			379 (42)	39 (21-II)	180,0	117,6	117,6	LUK	Có GCNQSD đất cấp năm 1991 tên bà Nguyễn Thị Độ
			384 (51)	39 (21-II)	588,0	627,1	627,1	LUC	Có GCNQSD đất cấp năm 1991 tên bà Nguyễn Thị Độ
			264 (54)	40 (22-I)	1.000,0	987,0	987,0	LUC	Có GCNQSD đất cấp năm 1991 tên bà Nguyễn Thị Độ
			31 (135)	44 (21-II)	284,0	349,9	349,9	LUK	Có GCNQSD đất cấp năm 1991 tên bà Nguyễn Thị Độ
			53 (140)	44 (21-II)	134,0	141,8	138,6	LUK	Có GCNQSD đất cấp năm 1991 tên bà Nguyễn Thị Độ
			27 (143)	45 (21-II)	484,0	501,8	501,8	LUK	Có GCNQSD đất cấp năm 1991 tên bà Nguyễn Thị Độ
			381 (225)	45 (21-II)	288,0	284,6	284,6	HNK	Có GCNQSD đất cấp năm 1991, cấp nhầm thửa 125

ST T	Tên chủ sử dụng (Số định danh cá nhân, số điện thoại)	Địa chỉ thường trú	Số thửa trích lục (Số thửa ĐC)	Tờ bản đồ trích lục (Tờ BĐ ĐC)	Diện tích GCN (m ²)	Diện tích thực tế (m ²)	Diện tích thu hồi (m ²)	Loại đất thu hồi	Ghi chú (Ghi pháp lý, nguồn gốc đất và các nội dung khác)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
8	Đồng Văn Bi, Đồng Thị Hào (SDD: 019061004401, 019165008112) - SĐT: 0354381564	TDP La Cánh 2, phường Bá Xuyên			3.033,0	4.237,1	3.726,9		
			32 (18)	2(21-II)		588,1	77,9	RSX	Chưa có GCN.
			222 (45A)	38 (21-II)	223,0	260,2	260,2	CLN	Có GCNQSD đất cấp năm 2008
			249 (325)	39 (8-IV)		90,3	90,3	HNK	Chưa có GCN.
			258 (327)	39 (8-IV)	160,0	155,0	155,0	HNK	Có GCN
			312 (354)	39		388,7	388,7	HNK	Chưa có GCN.
			390 (80)	39 (22-I)	430,0	461,0	461,0	LUC	Có GCN
			473 (156)	39 (21-II)	184,0	196,9	196,9	LUK	Có GCN cấp nhằm thửa 156
			474 (98)	39	726,0	725,0	725,0	LUK	Có GCN
			481	39		185,1	185,1	HNK	Chưa có GCN.
			487 (161)	39 (21-II)	420,0	247,4	247,4	HNK	Có GCN
			381 (160)	40 (22-I)	130,0	132,9	132,9	LUK	Có GCN
			65 (242)	46 (22-I)	760,0	427,9	427,9	LUC	Có GCN
			69 (242)	46 (22-I)		378,6	378,6	LUC	Có GCN
9	Đồng Văn Đại, Nguyễn Thị Phương (SDD: 019073010754) - SĐT: 0352029266	TDP La Cánh 2, phường Bá Xuyên			400,0	414,4	414,4		
			4 (197)	45 (21-II)	400,0	414,4	414,4	LUK	Có GCN,
10	Đồng Văn Tiến (SDD: 019060008428) - SĐT: 0359494964	TDP La Cánh 2, phường Bá Xuyên			347,7	347,7	347,7		
			208	39	347,7	347,7	347,7	LUC	Có GCN,
11	Đồng Văn Vui (SDD: 019081007270) - SĐT: 0984716485	TDP La Cánh 2, phường Bá Xuyên			860,0	732,3	732,3		
			376 (74)	39 (22-I)	860,0	732,3	732,3	LUC	Có GCNQSD đất cấp năm 2018
12	Trần Thị Bắc (SDD: 019155006969) - SĐT: 0869421578 - Người quản lý di sản chưa thực hiện phân chia thừa kế	TDP La Cánh 2, phường Bá Xuyên			610,0	648,9	648,9		
			273 (72)	40 (22-I)	610,0	648,9	648,9	LUC	Có GCN ông Đồng Văn Thập năm 1991, cấp nhằm TBĐ 21-I
13	Vũ Minh Lược, Đồng Thị Liên (SDD: 019061004916, 019164007706) - SĐT: 0397736857	TDP La Cánh 2, phường Bá Xuyên			521,0	557,3	557,3		

ST T	Tên chủ sử dụng (Số định danh cá nhân, số điện thoại)	Địa chỉ thường trú	Số thửa trích lục (Số thửa ĐC)	Tờ bản đồ trích lục (Tờ BĐ ĐC)	Diện tích GCN (m ²)	Diện tích thực tế (m ²)	Diện tích thu hồi (m ²)	Loại đất thu hồi	Ghi chú (Ghi pháp lý, nguồn gốc đất và các nội dung khác)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
			171 (337)	39 (9-III)	353,0	283,0	283,0	LUK	Có GCNQSD đất cấp năm 1999
			497 (123)	39 (21-II)	168,0	173,6	173,6	LUK	Thửa đất trên đã được cấp GCNQSD đất năm 1991
			14 (134)	45 (21-II)		100,7	100,7	LUK	Chưa có GCNQSD đất.
14	Vũ Văn Tùng, Trần Thị Thảo (SDD: 019077013471) - SĐT: 0912328342	TDP La Cánh 2, phường Bá Xuyên			327,0	288,1	288,1		
			220 (338A)	39 (9-III)	327,0	288,1	288,1	LUK	Có GCNQSD đất cấp năm 2011
15	Vũ Văn Việt (SDD: 019057002777) - SĐT: 0866959804	TDP La Cánh 2, phường Bá Xuyên			923,0	1.495,6	1.495,6		
			193 (338)	39 (9-III)		287,3	287,3	LUC	Chưa có GCN.
			375 (43)	39 (21-II)	488,0	552,0	552,0	LUC	Có GCNQSD đất cấp năm 1991, cấp nhằm thành thửa 49
			484 (137)	39 (22-I)	207,0	219,4	219,4	LUC	Có GCNQSD đất cấp năm 1991
			488 (151+179)	39 (21-II)		195,0	195,0	HNK	Chưa có GCN.
			495 (125)	39 (21-II)	228,0	241,9	241,9	LUK	Có GCNQSD đất cấp năm 1991
16	Đồng Văn Thu, Nguyễn Thị Đông (SDD: 019070014296) - SĐT: 0342484736	TDP La Cánh 2, phường Bá Xuyên			934,0	1.177,6	317,7		
			365 (35)	39 (21-II)	200,0	201,2	201,2	LUK	Có GCN cấp năm 2011
			32 (148)	45 (21-I)	136,0	113,6	113,6	LUK	Có GCN cấp năm 2011
			284 (46F)	38 (21-II)	598,0	862,8	2,9	CLN	Có GCN cấp năm 2011
17	Lê Thị Đạo (SDD: 025160009425 - SĐT: 0976402820)	TDP La Cánh 2, phường Bá Xuyên			596,0	809,0	809,0		
			57 (202)	45 (22-I)		161,7	161,7	LUK	Chưa có GCN.
			9 (155)	46 (22-I)	596,0	647,3	647,3	LUC	Có GCN cấp năm 2009
18	Đồng Văn Tường (SDD: 019076010565 - SĐT: 0396628352)	TDP La Cánh 2, phường Bá Xuyên			1.092,1	2.159,6	668,4		
			316 (117)	38 (21-II)	327,1	394,2	71,9	LUC	Có GCN cấp năm 1993.
			423 (102, 103)	39 (21-II)		149,3	149,3	HNK	Chưa có GCNQSD đất.
			302 (115)	38 (21-II)	765,0	1.616,1	447,2	HNK	Có GCNQSD đất cấp năm 2006
19	Nguyễn Thanh Cường (SDD: 019063006279 - SĐT: 0969147515)	TDP La Cánh 2, phường Bá Xuyên				403,7	403,7		
			420 (104)	39 (21-I)		403,7	403,7	LUC	chưa có GCNQSD đất

ST T	Tên chủ sử dụng (Số định danh cá nhân, số điện thoại)	Địa chỉ thường trú	Số thửa trích lục (Số thửa ĐC)	Tờ bản đồ trích lục (Tờ BĐ ĐC)	Diện tích GCN (m ²)	Diện tích thực tế (m ²)	Diện tích thu hồi (m ²)	Loại đất thu hồi	Ghi chú (Ghi pháp lý, nguồn gốc đất và các nội dung khác)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
20	Vũ Thị Nguyên (SDD: 019138002191 - SĐT: 0969147515)	TDP La Cánh 2, phường Bá Xuyên			1.940,0	2.139,0	2.123,3		
			3 (119)	44 (21-II)	1.292,0	631,7	631,7	LUC	Có GCN cấp năm 1991 tên ông Nguyễn Quang Tiêu,
			315 (119)	38 (21-II)		741,4	741,4	LUC	
			13 (133)	44 (21-II)	348,0	383,4	383,4	LUC	Có GCN cấp năm 1991 tên ông Nguyễn Quang Tiêu
			29 (137)	44 (21-II)	300,0	382,5	366,8	LUC	Có GCN cấp năm 1991 tên ông Nguyễn Quang Tiêu
21	Đồng Văn Tá (SDD: 019085011121 - SĐT: 0366367567)	TDP La Cánh 2, phường Bá Xuyên			315,0	358,4	358,4		
			8 (117B)	44 (21-II)	315,0	358,4	358,4	LUC	Có GCN cấp năm 2011
22	Đỗ Thị Mùi (SDD: 030167012504 - SĐT: 0365245373)	TDP La Cánh 2, phường Bá Xuyên			1.534,0	1.498,7	1.498,7		
			129 (281)	46 (21-I)	420	394,8	394,8	LUK	Có GCNQSD đất cấp năm 1991 tên ông Đồng Văn Hồ (Đã có VNPCTSTK)
			13 (154)	46 (22-I)	610,0	557,4	557,4	LUC	Có GCNQSD đất cấp năm 1991 tên ông Đồng Văn Hồ (Đã có VNPCTSTK)
			405 (51)	39 (21-II)	504,0	546,5	546,5	LUC	Có GCN năm 1991 tên ông Đồng Văn Hồ, (Đã có VNPCTSTK)
23	Đồng Văn Thư (SDD: 019064009499 - SĐT: 0343535542)	TDP La Cánh 2, phường Bá Xuyên			4.388,5	4.875,5	3.442,9		
			40 (18)	2 (21-II)		108,6	108,6	RSX	Chưa có GCNQSD đất.
			494 (321)	39 (21-II)	270,0	334,6	334,6	CLN	Có GCN cấp năm 2018.
			422 (126)	39 (22-I)	396,3	396,3	396,3	LUK	Có GCNQSD đất cấp năm 2020
			370 (162)	40 (22-I)	326,6	326,6	326,6	LUK	Có GCNQSD đất cấp năm 2020
			253 (320)	38 (21-II)	1554	1.754,6	322,0	CLN	Có GCN cấp năm 2018.
			239 (45)	38 (21-II)		89,5	89,5	RSX	Chưa có GCN.
			353 (29)	39 (21-II)	428,9	428,9	428,9	LUK	Có GCNQSD đất cấp năm 2020
			256 (303)	39 (8-IV)	408,0	426,3	426,3	LUK	Có GCN cấp năm 2018
			273 (304)	39 (8-IV)	282,0	287,4	287,4	HNK	Có GCN cấp năm 2018
			310	39	722,7	722,7	722,7	LUK	Có GCNQSD đất cấp năm 2020
24	Dương Văn Kế (SDD: 019067007707 - SĐT: 0978117468)	TDP La Cánh 2, phường Bá Xuyên			1.020,0	1.025,5	1.018,3		
			328 (118)	38 (21-II)	840,0	818,1	810,9	LUC	Có GCNQSD đất cấp năm 2013

ST T	Tên chủ sử dụng (Số định danh cá nhân, số điện thoại)	Địa chỉ thường trú	Số thửa trích lục (Số thửa ĐC)	Tờ bản đồ trích lục (Tờ BĐ ĐC)	Diện tích GCN (m ²)	Diện tích thực tế (m ²)	Diện tích thu hồi (m ²)	Loại đất thu hồi	Ghi chú (Ghi pháp lý, nguồn gốc đất và các nội dung khác)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
			47 (141)	44 (21-II)	180,0	207,4	207,4	HNK	Có GCN cấp năm 2001 tên ông Đồng Văn Trường cấp nhằm thửa 142
25	Trần Quang Thắng (SDD: 019091012437 - SĐT: 0982238391)	TDP La Cánh 2, phường Bá Xuyên			456,0	496,0	496,0		
			66 (203)	45 (22-I)	456,0	496,0	496,0	LUK	Có GCN cấp năm 1991 tên bà Dương Thị Châm
26	Đồng Việt Thành, Nguyễn Thị Huệ (SDD: Huệ: 019167007671 - SĐT: 0979379160)	TDP La Cánh 2, phường Bá Xuyên			1.402,0	2.081,8	1.891,7		
			307	39		331,2	331,2	HNK	Chưa có GCNQSD đất.
			318	39		297,8	297,8	HNK	Chưa có GCNQSD đất.
			362	39	262,4	262,4	262,4	LUC	Có GCNQSD đất cấp năm 2024
			438	39	210,9	210,9	210,9	LUK	Có GCNQSD đất cấp năm 2024
			464	39		50,8	50,8	HNK	Chưa có GCNQSD đất.
			504	39	728	728	728	LUC	Có GCNQSD đất cấp năm 2024
			23	45	200,7	200,7	10,6	HNK	Có GCNQSD đất cấp năm 2024
27	Trương Văn Ban, Đồng Thị Mai (SDD: 019064009048, 019169008417 - SĐT: 0344433922)	TDP La Cánh 2, phường Bá Xuyên			378,0	463,5	463,5		
			411 (50)	39 (21-II)	378,0	463,5	463,5	LUC	Có GCNQSD đất cấp năm 2004
28	Ngô Quang Bính (SDD: 019057003938 - SĐT: 0383935109)	TDP La Cánh 2, phường Bá Xuyên			200,0	439,1	281,0		
			545 (176)	39 (21-II)	200,0	103,7	103,7	LUK	Có GCNQSD đất cấp năm 1999
			386 (201)	45 (22-I)		103,3	103,3	LUK	Chưa có GCNQSD đất.
			21 (190)	45 (21-II)		232,1	74,0	HNK	
29	Dương Văn Thành (SDD: 019063003413 - SĐT: 034297209)	TDP La Cánh 2, phường Bá Xuyên			568,0	587,6	587,6		
			347 (15)	39 (21-II)	568,0	587,6	587,6	LUC	Có GCNQSD đất cấp năm 1995
30	Đồng Văn Công (SDD: 019068012351 - SĐT: 0983706653)	TDP La Cánh 2, phường Bá Xuyên			655,0	894,7	894,7		
			425 (75)	39 (21-II)	145,0	136,0	136,0	LUK	Có GCNQSD đất cấp năm 2005
			442 (90)	39 (21-II)	208,0	197,8	197,8	LUC	Có GCNQSD đất cấp năm 2013
			463 (94b)	39 (21-II)	100,0	151,4	151,4	LUK	Có GCNQSD đất cấp năm 2005

ST T	Tên chủ sử dụng (Số định danh cá nhân, số điện thoại)	Địa chỉ thường trú	Số thửa trích lục (Số thửa ĐC)	Tờ bản đồ trích lục (Tờ BĐ ĐC)	Diện tích GCN (m ²)	Diện tích thực tế (m ²)	Diện tích thu hồi (m ²)	Loại đất thu hồi	Ghi chú (Ghi pháp lý, nguồn gốc đất và các nội dung khác)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
			476 (152)	39 (21-II)	82,0	118,8	118,8	HNK	Có GCNQSD đất cấp năm 2005
			10 (193)	45 (21-II)	120,0	184,1	184,1	HNK	Có GCNQSD đất cấp năm 2005
			485 (150)	39 (21-II)		46,7	46,7	HNK	Chưa có GCNQSD đất.
			490 (179)	39 (21-II)		59,9	59,9	HNK	
31	Vũ Văn Thành-Trương Thị Ngân (SDD: 019074006545 - SĐT: 0988053736)	TDP La Cánh 2, phường Bá Xuyên			264,0	305,9	305,9		
			363 (34)	39 (21-II)	264,0	305,9	305,9	LUK	Có GCNQSD đất cấp năm 2015.
32	Đào Văn Thân (SDD: 019055003702- SĐT: 0986517363)	TDP La Cánh 2, phường Bá Xuyên			832,0	809,8	809,8		
			371 (36)	39 (21-II)	248,0	203,6	203,6	LUK	Có GCNQSD đất cấp năm 1991
			450 (107)	39 (21-II)	584,0	191,9	191,9	LUC	Có GCNQSD đất cấp năm 1991
			479 (107)	39 (21-II)		414,3	414,3	LUC	
33	Vũ Văn Phú (SDD: 019047002874) - SĐT: 0342998473	TDP La Cánh 2, phường Bá Xuyên			398,8	480,6	480,6		
			20 (147)	45 (21-I)	94,0	139,0	139,0	LUK	Có GCNQSD đất cấp năm 1993
			30 (136b)	44 (21-II)	240,0	251,9	251,9	LUK	Có GCNQSD đất cấp năm 1993
			506 (183)	39 (21-II)	64,8	89,7	89,7	LUK	Có GCNQSD đất cấp năm 1993 cấp nhằm thửa 188
34	Đồng Thanh Hải (SDD: 019074010746) - SĐT: 0866061447	TDP La Cánh 2, phường Bá Xuyên			168,0	204,3	204,3		
			510 (179+184)	39 (21-II)	168,0	204,3	204,3	LUC	Có GCNQSD cấp năm 2010
TỔNG CỘNG:					34.091,2	42.447,7	36.561,2		